TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 702/2026/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 653/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm:1994

CCCD số: 079194025327 cấp ngày 12/8/2021

Địa chỉ: G, Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Trịnh Hoài T, sinh năm: 1989

CCCD số: 087089015435 cấp ngày 21/9/2022

Địa chỉ: Số nhà B, Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Trịnh Phương L, nữ, sinh ngày 20/4/2016. Khi ly hôn, bà Đỗ Thị Mỹ H và Trịnh Hoài T thỏa thuận giao trẻ Trịnh Phương L cho bà Đỗ Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Hoài T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

[3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68 quyển số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trịnh Phương L, nữ, sinh ngày 20/4/2016. Khi ly hôn, bà Đỗ Thị Mỹ H và Trịnh Hoài T thỏa thuận giao trẻ Trịnh Phương L cho bà Đỗ Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Hoài T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Các bên đương sự trực tiếp thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 15/05/2026 cho đến khi nào phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ khi bà Đỗ Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trịnh Hoài T chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Trịnh Hoài T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trịnh Hoài T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022259 ngày 09/4/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Trịnh Hoài T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND Khu Vực 10 (2);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (2).

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới